

Bản án số: 165/2023/HS-PT
Ngày: 13-12-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Ngẫu

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Văn Bình;

2. Bà Phạm Thị Thuý Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Hồng Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 142/2023/TLPT-HS ngày 20 tháng 10 năm 2023, do có kháng cáo của các bị cáo **Trần Thị Ánh T**, **Võ Thị Mỹ L**, **Nguyễn Thị Tú T1** và **Lâm Hữu K** đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 74/2023/HS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Trần Thị Ánh T**, sinh năm 1980 tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: **ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh**; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Văn L1**, sinh năm 1957 và bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1960; chồng **Trần Trung K1**, sinh năm 1981; con có 03 người (lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: không có; bị tạm giữ ngày 16-9-2022, đến ngày 17-9-2022.

2. Họ và tên: **Võ Thị Mỹ L**, sinh năm 1986 tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: **ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh**; chỗ ở hiện nay: **ấp S, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh**; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Võ Văn N1**, sinh năm 1960 và bà **Bùi Thị T2**, sinh năm 1962; chồng **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1971 (đã ly hôn), con có 02 người (lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất

sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không có; bị tạm giữ từ ngày 16-9-2022 đến ngày 17-9-2022.

3. Họ và tên: Nguyễn Thị Tú T1, sinh năm 1985 tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành P, sinh năm 1958 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Mỹ L2, sinh năm 1964 (đã chết); chồng Trần Khánh V, sinh năm 1985; con có 03 người (lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2021); tiền án, tiền sự: không có.

Nhân thân: Bản án số 45/2016/HSST ngày 17-6-2016 của Toà án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xử phạt bị cáo 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; đã chấp hành xong vào tháng 01-2018 (đã xóa án tích).

4. Họ và tên: Lâm Hữu K, sinh năm 1976 tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Hữu T3, sinh năm 1933 và bà Phạm Thị L3, sinh năm 1940 (đã chết); vợ Nguyễn Ngọc Á; con: có 01 người, sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không có.

Các bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, bản án còn tuyên xử đối với 02 bị cáo khác về tội “Đánh bạc” không có kháng cáo, kháng nghị, nên Toà án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 15 phút ngày 16-9-2022, tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh, Công an huyện C, tỉnh Tây Ninh phối hợp với Phòng C Công an tỉnh T bắt quả tang tụ điểm đánh bạc dưới hình thức bán số đề thắng thua bằng tiền do Trần Thị Ánh T đứng ra tổ chức. Thu giữ tại địa điểm bắt quả tang số tiền 19.110.000 đồng, cùng nhiều vật chứng khác có liên quan.

Quá trình điều tra chứng minh được:

* Đối với Trần Thị Ánh T: từ tháng 02-2022, T bắt đầu tổ chức bán số đề đài miền N và đài miền T tại nhà ở của T cho nhiều người tham gia. Hình thức tổ chức ghi số đề bằng cách người chơi trực tiếp đến gặp T để mua số đề hoặc nhắn tin, gọi điện thoại trực tiếp vào số điện thoại 0846900192 của T để mua số đề. Sau đó, T tổng hợp phôi đề, đối với số đề có số tiền thắng thua lớn, không có khả năng chung chi thì T dùng số điện thoại 0848410192 chuyển phôi lại cho 02 người không rõ họ tên, địa chỉ qua số điện thoại 0987274043 và 0394875038 mà không hưởng phần trăm hoa hồng. Đối với số đề có số tiền thắng thua thấp, T lưu lại

phơi để để đối chiếu kết quả xổ số và trực tiếp chung chi cho người chơi. Tổng số tiền thu lợi bất chính của **T** trong thời gian ghi đề là khoảng 35.000.000 đồng. Trong quá trình tổ chức ghi số đề, để lôi kéo thêm được nhiều người mua số đề, **T** thỏa thuận với **Võ Thị Mỹ L** về việc **L** đứng ra ghi số đề cho người chơi rồi tổng hợp lại giao cho **T** để hưởng 10% trên tổng số tiền ghi đề thông qua hình thức nhắn tin qua điện thoại di động cho **T**. Hằng ngày, **T** ghi số đề và nhận phơi đề đài miền nam thấp nhất là 7.596.000 đồng, cao nhất 49.949.000 đồng, đài miền trung thấp nhất là 9.142.000 đồng, cao nhất là 11.060.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 15-9-2022, **T** bán số đề đài miền nam (theo kết quả xổ số tỉnh Tây Ninh, gọi tắt là đài Tây Ninh) và đài miền trung (theo kết quả xổ số tỉnh Bình Định, gọi tắt là đài Bình Định) cho **Lâm Hữu K**, **Trần Thị N2**, **Trần Văn M** cụ thể như sau:

+ Bán cho **Lâm Hữu K** số đề đài Tây Ninh với số tiền 4.860.000 đồng, kết quả **K** không trúng; số đề đài Bình Định với số tiền 3.700.000 đồng, kết quả **K** trúng 7.000.000 đồng. Tổng số tiền **K** dùng đánh bạc đài miền nam là 4.860.000 đồng, đài miền trung là 10.700.000 đồng.

+ Bán cho **Trần Thị N2** số đề đài Tây Ninh với số tiền 716.000 đồng, kết quả **N2** không trúng; số đề đài Bình Định với số tiền 360.000 đồng, kết quả **N2** không trúng. Tổng số tiền **N2** dùng đánh bạc đài miền nam là 716.000 đồng, đài miền trung là 360.000 đồng.

+ Bán cho **Trần Văn M** số đề đài Tây Ninh với số tiền là 1.810.000 đồng, kết quả **M** trúng 210.000 đồng. Tổng số tiền **M** dùng đánh bạc đài miền nam là 2.020.000 đồng.

Tổng số tiền vào ngày 15-9-2022 **T** bán số đề đài miền nam là 7.596.000 đồng, đài miền trung 11.060.000 đồng. Ngày 15-9-2022, **T** giữ lại tất cả phơi đề để chung chi cho người chơi.

- Ngày 16-9-2022, **T** bán số đề đài miền nam (theo kết quả xổ số các tỉnh Vĩnh Long, Bình Dương, Trà Vinh) và miền trung (theo kết quả xổ số các tỉnh Gia Lai, Ninh Thuận) cho **Nguyễn Thị Tú T1**, **Lâm Hữu K**, **Trần Thị N2**, **Trần Văn M**, **Dương Thị L4**, **Nguyễn Thị Lan T4**, **T5** (không rõ họ, tên và địa chỉ), **T6** (không rõ họ, tên và địa chỉ) và nhận phơi đề của **Võ Thị Mỹ L**, cụ thể như sau:

+ Bán cho **Nguyễn Thị Tú T1** số đề đài Vĩnh Long với số tiền 534.000 đồng, kết quả **T1** trúng 12.420.000 đồng. Tổng số tiền **T1** dùng đánh bạc đài miền nam là 12.954.000 đồng.

+ Bán cho **Lâm Hữu K** số đề đài Vĩnh Long với số tiền 2.508.000 đồng, kết quả **K** trúng 7.510.000 đồng; số đề đài Gia Lai với số tiền 2.050.000 đồng, kết quả **K** không trúng. Tổng số tiền **K** dùng đánh bạc đài miền nam là 10.018.000 đồng, đài miền trung là 2.050.000 đồng.

+ Bán cho **Trần Thị N2** số đề đài Vĩnh Long với số tiền 1.168.000 đồng, kết quả **Nhẫn** trúng 6.910.000 đồng; số đề đài Bình Dương với số tiền 900.000

đồng, kết quả **N2** không trúng; số đề đài **Trà V1** với số tiền là 600.000 đồng, kết quả **N2** không trúng; số đề đài Gia Lai với số tiền 360.000 đồng, kết quả **N2** trúng 140.000 đồng. Tổng số tiền **N2** dùng đánh bạc đài miền nam là 9.578.000 đồng, đài miền trung là 500.000 đồng. Trong tổng số tiền **N2** mua số đề của **T** có số tiền của **Lê Thị H**, sinh năm 1970, ngụ **ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh** nhắn tin gửi Nhân mua số đề xổ số đài Vĩnh Long với số tiền 720.000 đồng, **đài B** với số tiền 720.000 đồng, **đài T** với số tiền 60.000 đồng, kết quả không trúng. Tổng số tiền **H** dùng đánh bạc đài miền nam là 1.500.000 đồng.

+ Bán cho **Trần Văn M** số đề đài Vĩnh Long với số tiền 1.586.000 đồng, kết quả **M** trúng 700.000 đồng. Tổng số tiền **M** dùng đánh bạc đài miền nam là 2.286.000 đồng.

+ Bán cho **Dương Thị L4**, sinh năm 1967, ngụ **ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh** số đề đài Vĩnh Long với số tiền 1.260.000 đồng, **đài B** với số tiền 180.000 đồng, **đài T** với số tiền 180.000 đồng, kết quả **L4** trúng đài Trà Vinh 280.000 đồng; số đề đài Gia Lai với số tiền 360.000 đồng, kết quả **L4** trúng 350.000 đồng; số đề đài Ninh Thuận với số tiền 360.000 đồng, kết quả **L4** trúng 350.000 đồng. Tổng số tiền **L4** dùng đánh bạc đài miền nam là 1.900.000 đồng, đài miền trung là 1.420.000 đồng.

+ Bán cho **Nguyễn Thị Lan T4**, sinh năm 1991, ngụ **ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh** số đề đài Vĩnh Long với số tiền 942.000 đồng, kết quả **T4** không trúng. Tổng số tiền **T4** dùng đánh bạc đài miền nam là 942.000 đồng.

+ Bán cho **T5** số đề đài Vĩnh Long với số tiền 2.155.000 đồng, **đài B** với số tiền 400.000 đồng, **đài T** với số tiền 400.000 đồng, kết quả **T5** trúng đài Trà Vinh 210.000 đồng; số đề đài Gia Lai, với số tiền 804.000 đồng, kết quả **T5** không trúng. Tổng số tiền **T5** dùng đánh bạc đài miền nam là 3.165.000 đồng, đài miền trung là 804.000 đồng.

+ Bán cho **T6** số đề đài Vĩnh Long với số tiền 1.692.000 đồng, kết quả **T6** không trúng; số đề đài Gia Lai với số tiền 1.692.000 đồng và số đề đài Ninh Thuận với số tiền 1.692.000 đồng, kết quả **T6** không trúng. Tổng số tiền **T6** dùng đánh bạc đài miền nam là 1.692.000 đồng, đài miền trung là 3.384.000 đồng.

+ Nhận phối đề của **Võ Thị Mỹ L** giao với tổng số tiền đài miền nam là 7.414.000 đồng, đài miền trung số tiền là 984.000 đồng,

Tổng số tiền vào ngày 16-9-2022 **T** bán số đề đài miền nam là 49.949.000 đồng, đài miền trung là 9.142.000 đồng. Ngày 16-9-2022, **T** giữ lại tất cả phối đề để chung chi cho người chơi.

* Đối với **Võ Thị Mỹ L**: trực tiếp đứng ra ghi số đề cho nhiều người sau đó giao lại cho **T** để hưởng 10% trên tổng số tiền ghi đề. **L** bắt đầu nhận ghi số đề từ tháng 02-2022, thông qua tin nhắn điện thoại số 0369678564 và số 0784271744 của **L** rồi tập hợp lại chuyển phối đề cho **T** qua số điện thoại 0846900192 của **T**. Hiện tại **L** đã xóa các tin nhắn về việc ghi số đề trước ngày 16-9-2022, không còn

lưu trong điện thoại của L. Trong thời gian giao phối đề cho T, L đã hưởng tiền thu lợi bất chính khoảng 12.000.000 đồng.

Trong ngày 16-9-2022, L bán số đề cho 06 người, gồm: Võ Thị Thu N3, Nguyễn Văn M1, Nguyễn Thị T7, Nguyễn Thị P1, Lê Thị Kim O, Năm N4 (chưa rõ nhân thân, địa chỉ), cụ thể bán số đề đài V với số tiền 5.092.000 đồng, kết quả trúng 1.050.000 đồng; số đề Bình Dương với số tiền 426.000 đồng, kết quả trúng 280.000 đồng, số đề đài Trà Vinh với số tiền 426.000 đồng, kết quả trúng 566.000 đồng; số đề đài Gia Lai với số tiền 984.000 đồng, kết quả không trúng. Tổng số tiền L bán đề đài miền nam là 7.414.000 đồng, đài miền trung là 984.000 đồng; T4 giao phối đề lại cho T để hưởng hoa hồng 10%, nhưng chưa giao cho T do bị bất quả tang.

* Đối với Nguyễn Thị Tú T1: vào ngày 16-9-2022, T1 nhắn tin trực tiếp cho T để mua số đề đài V với số tiền 534.000 đồng, kết quả trúng 12.420.000 đồng. Tổng số tiền T1 dùng đánh bạc đài miền nam là 12.954.000 đồng.

* Đối với Lâm Văn K2: vào ngày 15-9-2022 và ngày 16-9-2022, K2 nhắn tin trực tiếp cho T để mua số đề, cụ thể số tiền K2 dùng vào việc đánh bạc từng ngày như sau:

+ Vào ngày 15-9-2022, K2 mua số đề đài Tây Ninh với số tiền 4.860.000 đồng, kết quả không trúng; mua số đề đài Bình Định với số tiền 3.700.000 đồng, kết quả trúng 7.000.000 đồng. Tổng số tiền K2 dùng đánh bạc đài miền nam là 4.860.000 đồng và đài miền trung là 10.700.000 đồng.

+ Vào ngày 16-9-2023, K2 nhắn mua số đề đài Vĩnh Long với số tiền 2.508.000 đồng, kết quả trúng 7.510.000 đồng; mua số đề đài Gia Lai với số tiền 2.050.000 đồng, kết quả không trúng. Tổng số tiền K2 dùng đánh bạc đài miền nam 10.018.000 đồng và đài miền trung là 2.050.000 đồng.

* Đối với Dương Thị L4, Lê Thị H, Nguyễn Thị Lan T4, Võ Thị Thu N3, Nguyễn Thị T7, Nguyễn Văn M1, Nguyễn Thị P1, Lê Thị Kim O có tham gia đánh bạc nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra Công an huyện C chuyển Công an xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh xử lý hành chính theo đúng quy định pháp luật.

* Đối với người sử dụng số điện thoại 0987274043 do Đặng Quang V2, có địa chỉ ở P, thị xã B, tỉnh Bình Dương đứng tên sở hữu và người sử dụng số điện thoại 034875038 do Công ty TNHH T11 đứng tên sở hữu, địa chỉ tại phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, qua xác minh không có ở địa chỉ trên, chưa làm việc được, tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

* Đối với người tên T5, T6, Năm N4 chưa làm việc được, tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số 47/CT-VKSCT ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã truy tố các bị cáo Trần Thị Ánh T, Võ Thị Mỹ L về tội "Tổ chức đánh bạc" được quy định tại điểm a, c

khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự; truy tố Nguyễn Thị Tú T1, Lâm Hữu K, Trần Thị N2 và Trần Văn M về tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 74/2023/HS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định.

Tuyên bố các bị cáo Trần Thị Ánh T, Võ Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Tú T1 và Lâm Hữu K phạm tội “Đánh bạc”.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Trần Thị Ánh T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án và được khấu trừ thời gian tạm giữ từ 16-9-2022 đến ngày 17-9-2022.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Thị Mỹ L 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án và được khấu trừ thời gian tạm giữ từ 16-9-2022 đến ngày 17-9-2022.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tú T1 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lâm Hữu K 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên xử 02 bị cáo khác về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo theo quy định của pháp luật.

* Cùng ngày 18-9-2023, các bị cáo Trần Thị Ánh T, Võ Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Tú T1 và Lâm Hữu K có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Cụ thể:

- Bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, với lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn, chồng làm ruộng không đủ khả năng lo cho con ăn học.

- Bị cáo L và bị cáo T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, cùng lý do đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi.

- Bị cáo K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, với lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân bị cáo là lao động chính, đang

nuôi cha già trên 90 tuổi, vợ không có việc làm ổn định, phải nuôi 01 người con đang học cấp 3.

Tại phiên toà:

Các bị cáo **Trần Thị Ánh T**, **Võ Thị Mỹ L**, **Nguyễn Thị Tú T1** và **Lâm Hữu K** giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm xử lý vụ án.

Toà án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo **Trần Thị Ánh T**, **Võ Thị Mỹ L**, **Nguyễn Thị Tú T1** và **Lâm Hữu K** về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Toà án cấp sơ thẩm căn cứ nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo **T** 09 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội bị cáo gây ra. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo **T** bổ sung văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền xác nhận bị cáo nhiều lần hỗ trợ tích cực trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, góp phần đảm bảo tình hình an ninh trật tự tại địa phương; tích cực đóng góp tiền ủng hộ “Quỹ vì người nghèo”, “Quỹ đền ơn đáp nghĩa” được chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú có Thư cảm ơn; bị cáo **L**, **T1** và **K** không bổ sung tình tiết giảm nhẹ mới, tuy nhiên căn cứ vào vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của từng bị cáo xét thấy cần giảm một phần hình phạt cho bị cáo **T1** và **K**. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo **T**, **T1** và **K**; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **L**; xử phạt bị cáo **T** mức hình phạt 06 tháng tù, xử phạt bị cáo **K** và bị cáo **T1** mỗi bị cáo mức hình phạt 05 tháng tù; y án 06 tháng tù đối với bị cáo **L**.

Các bị cáo không tham gia tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Các bị cáo **Trần Thị Ánh T**, **Võ Thị Mỹ L**, **Nguyễn Thị Tú T1** và **Lâm Hữu K** kính xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng.

[1.1] Đơn kháng cáo của các bị cáo **Trần Thị Ánh T**, **Võ Thị Mỹ L**, **Nguyễn Thị Tú T1** và **Lâm Hữu K** lập ngày 18-9-2023 còn trong thời hạn luật định; nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo hợp lệ, phù hợp với quy định tại Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; các bị cáo không có ý kiến

hoặc khiếu nại, nên các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo thực hiện.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản về việc giải phoir đề; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó có các cứ xác định:

[2.1] Đối với bị cáo **Trần Thị Ánh T**

Vào ngày 15-9-2022, **T** bán số đề cho 03 người, trong đó bán cho **Lâm Hữu K** đài miền nam với số tiền 4.860.000 đồng và đài miền trung với số tiền 3.700.000 đồng, **K** trúng được 7.000.000 đồng; bán cho **Trần Thị N2** đài miền nam với số tiền 716.000 đồng và đài miền trung với số tiền 360.000 đồng; bán cho **Trần Văn M** đài miền nam với số tiền 1.810.000 đồng, **M** trúng được 210.000 đồng. Tổng số tiền **T** cùng với **K**, **N2** và **M** đánh bạc vào ngày 15-9-2022 đối với đài miền nam là 7.596.000 đồng, đài miền trung là 11.060.000 đồng.

Vào ngày 16-9-2022, **T** bán số đề cho 07 người và nhận phoir đề do **Võ Thị Mỹ L** giao, cụ thể: bán cho **Nguyễn Thị Tú T1** đài miền nam số tiền 534.000 đồng, **T1** trúng được 12.420.000 đồng; bán cho **Lâm Hữu K** đài miền nam với số tiền 2.508.000 đồng, **K** trúng được 7.510.000 đồng, đài miền trung với số tiền 2.050.000 đồng; bán cho **Trần Thị N2** đài miền nam với số tiền 1.168.000 đồng, **N2** trúng được 6.910.000 đồng; bán đài miền trung với số tiền 500.000 đồng; bán cho **Trần Thị M2** đài miền nam với số tiền 2.286.000 đồng; bán cho **Dương Thị L4** đài miền nam với số tiền 1.900.000 đồng, đài miền trung là 1.420.000 đồng; bán cho **Nguyễn Thị Lan T4** đài miền nam với số tiền 942.000 đồng; bán cho người tên **T5** đài miền nam với số tiền 3.165.000 đồng và đài miền trung với số tiền 804.000 đồng; bán cho người tên **T6** đài miền nam với số tiền 1.692.000 đồng và đài miền trung với số tiền 3.384.000 đồng; nhận 01 phoir đề của **L** số tiền đài miền nam là 7.414.000 đồng và đài miền trung là 984.000 đồng. Tổng số tiền **T** cùng với 07 người trên đánh bạc ngày 16-9-2022 đối với đài miền nam là 49.949.000 đồng, đài miền trung 9.142.000 đồng.

Hành vi nêu trên của **Trần Thị Ánh T** đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[2.2] Đối với bị cáo **Võ Thị Mỹ L**

Ngày 16-9-2022, **L** bán số đề cho 06 người, với tổng số tiền số bán đề đài miền nam là 7.414.000 đồng và đài miền trung là 984.000 đồng, **L** giao lại cho **T** để hưởng 10% hoa hồng. Hành vi của **Võ Thị Mỹ L** đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[2.3] Đối với bị cáo **Nguyễn Thị Tú T1**

Ngày 16-9-2022, **T1** mua số đề của **T** đài miền nam với số tiền 534.000 đồng, **T1** trúng được 12.420.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc của **T1** là 12.954.000 đồng. Hành vi của **Nguyễn Thị Tú T1** đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[2.4] Đối với bị cáo **Lâm Hữu K**

Vào ngày 15-9-2023, **K** mua số đề đài miền nam với số tiền 4.860.000 đồng và đài miền trung với số tiền 3.700.000 đồng, **K** trúng được 7.000.000 đồng, tổng số tiền khởi đánh bạc ngày 15-9-2023 đài miền nam là 4.860.000 đồng và đài miền trung với số tiền 10.700.000 đồng; ngày 16-9-2023, **K** mua số đề đài miền nam với số tiền 2.508.000 đồng, **K** trúng được 7.510.000 đồng, đài miền trung với số tiền 2.050.000 đồng, tổng số tiền **K** đánh bạc ngày 16-9-2023 đài miền nam là 10.018.000 đồng và đài miền trung là 2.050.000 đồng, Hành vi của **Lâm Hữu K** đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[3] Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo **Trần Thị Ánh T**, **Võ Thị Mỹ L**, **Nguyễn Thị Tú T1** và **Lâm Hữu K** về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng, các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện vì mục đích tư lợi cá nhân. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi các bị cáo đã thực hiện, nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Xét kháng cáo của các bị cáo, thấy rằng:

[5.1] Khi quyết định hình phạt, Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét nhân thân, vai trò và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo.

- Bị cáo **T** giữ vai trò chính, trực tiếp bán số đề cho nhiều người, nhận phôi đề của bị cáo **L** giao lại, bị cáo phạm tội từ 02 lần trở lên; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo có công với cách mạng, có cậu ruột là ông **Nguyễn Văn N5** là Liệt sĩ; có cha ruột là ông **Trần Văn L1** được tặng thưởng nhiều Huy chương kháng chiến, Huân chương chiến sĩ vẻ vang, Huân chương Bảo vệ Tổ quốc; có bà ngoại ruột là bà **Lê Thị T8** được tặng Huân chương kháng chiến và ông ngoại ruột là ông **Nguyễn Văn T9** là thương binh.

- Bị cáo **L** trực tiếp bán số đề cho nhiều người, giao lại phôi đề cho bị cáo **T** để hưởng hoa hồng 10%, mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có ông nội ruột là **Võ Văn N6** tham gia cách mạng được thưởng Huân chương kháng chiến; cha ruột là ông **Võ Văn N1** tham gia cách mạng; bị cáo đóng góp ủng hộ cho **Q** phòng chống thiên tai **áp P** có Thư cảm ơn.

- Bị cáo **K**, trực tiếp mua số đề của **T** 02 lần, số tiền tham gia đánh bạc lớn; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có cha ruột là ông **Lâm Hữu T3** là đảng viên được tặng Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng.

- Bị cáo **T1** mua số đề của **T** 01 lần, nhưng có nhân thân không tốt, vào năm 2016 bị Toà án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xử phạt số tiền 15.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”, đã chấp hành xong bản án vào tháng 01-2018 và đã được xoá án tích; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo **T** 09 tháng tù, xử phạt các bị cáo **L**, **T1** và **K**, mỗi bị cáo 06 tháng tù là tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, không nặng.

[5.2] Tại cấp phúc thẩm, bị cáo **T** có bổ sung thêm văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền xác nhận bị cáo đã nhiều lần hỗ trợ tích cực trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, góp phần đảm bảo tình hình an ninh trật tự tại địa phương; tích cực đóng góp tiền ủng hộ “Quỹ vì người nghèo”, “Quỹ đền ơn đáp nghĩa” tại địa phương và được chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú có **T10** cảm ơn, đây là những tình tiết mới để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo **T**; các bị cáo **L**, **T1** và **K** không bổ sung tình tiết giảm nhẹ mới. Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo **T**, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **L**, **T1** và **K**.

[6] Từ những phân tích trên, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo **Trần Thị Ánh T**; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Võ Thị Mỹ L**, **Nguyễn Thị Tú T1** và **Lâm Hữu K**; chấp nhận một phần đề nghị của **K3** sát viên, sửa bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm:

[7.1] Đối với bị cáo **Trần Thị Ánh T**: do kháng cáo được chấp nhận một phần, nên bị cáo **T** không phải chịu.

[7.2] Đối với các bị cáo **Võ Thị Mỹ L**, **Nguyễn Thị Tú T1** và **Lâm Hữu K**: do kháng cáo không được chấp nhận, nên các bị cáo **L**, **T1** và **K** phải chịu.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo **Trần Thị Ánh T**;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Võ Thị Mỹ L**, **Nguyễn Thị Tú T1** và **Lâm Hữu K**;

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 74/2023/HS-ST, ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo **Trần Thị Ánh T** 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án; được khấu trừ thời gian tạm giữ từ 16-9-2022 đến ngày 17-9-2022.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Võ Thị Mỹ L** 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án; được khấu trừ thời gian tạm giữ từ 16-9-2022 đến ngày 17-9-2022.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Tú T1** 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lâm Hữu K** 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

5. Về án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 -12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

5.1. Bị cáo **Trần Thị Ánh T** không phải chịu.

5.2. Các bị cáo **Võ Thị Mỹ L**, **Nguyễn Thị Tú T1** và **Lâm Hữu K**, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1.TANDTC. (Vụ 1);
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh TN;
- Phòng Lý lịch STP tỉnh Tây Ninh;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Châu Thành;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Cơ quan THAHS huyện Châu Thành;
- CQĐT Công an huyện Châu Thành;
- Các bị cáo;
- Lưu tập án, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Ngẫu

